

**NGHỊ QUYẾT**

**Về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;  
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;  
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;  
Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 3885/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thống nhất thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:**

Danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh gồm 31 dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 48,96 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Trong quá trình thực hiện thu hồi đất, nếu có sai số đo đạc thì diện tích được điều chỉnh theo số liệu thực tế.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 10 thông qua và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2023.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh; Đài PTTH Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thành Tâm**



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC DỰ ÁN CÁN THỦ HỘI ĐẤT ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH**

(Kèm theo Nghị quyết số 127 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

| STT       | Tên dự án   | Mã loại đất | Mục đích sử dụng                       | Tổng diện tích | Diện tích thu hồi (ha) |                   |                   | Địa điểm (xã)                         | Huyện |
|-----------|---|-------------|--|----------------|------------------------|-------------------|-------------------|---------------------------------------|-------|
|           |   |             |  |                | Trong đó               |                   |                   |                                       |       |
|           |   |             |  |                | Đất trồng lúa          | Đất rừng đặc dụng | Đất rừng phòng hộ |                                       |       |
| <b>I</b>  | <b>Theo điểm a khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013</b>          | <b>5</b>    |  | <b>1,69</b>    | <b>1,03</b>            | <b>0,00</b>       | <b>0,00</b>       |                                       |       |
| 1         | Di dời khu hành chính xã Suối Đá - Đền bù, giải phóng mặt bằng    | TSC         | Đất xây dựng trụ sở cơ quan            | 1,07           | 0,95                   |                   |                   | Suối Đá<br>Dương Minh Châu            |       |
| 2         | Công trình kỹ thuật trong căn cứ Hậu phương huyện Dương Minh Châu | TSC         | Đất xây dựng trụ sở cơ quan            | 0,44           | 0,08                   |                   |                   | Phước Minh<br>Dương Minh Châu         |       |
| 3         | Mở rộng, sửa chữa Trường THCS Phước Đông                          | DGD         | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | 0,02           |                        |                   |                   | Phước Đông<br>Gò Dầu                  |       |
| 4         | Nhà văn hóa áp Thạnh Hiệp   | DVH         | Đất xây dựng cơ sở văn hóa             | 0,01           |                        |                   |                   | Thanh Bắc<br>Tân Biên                 |       |
| 5         | Xây mới Hội trường và sửa chữa Trụ sở UBND phường Ninh Sơn        | TSC         | Đất xây dựng trụ sở cơ quan            | 0,15           |                        |                   |                   | phường Ninh Sơn<br>thành phố Tây Ninh |       |
| <b>II</b> | <b>Theo điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013</b>          | <b>26</b>   |  | <b>47,27</b>   | <b>14,71</b>           | <b>0,00</b>       | <b>0,00</b>       |                                       |       |
| 1         | Bê tông nhựa đường từ ranh địa đạo di Xóm Khuất                   | DGT         | Đất giao thông                         | 0,43           | 0,43                   |                   |                   | Tiên Thuận, Lợi Thuận<br>Bến Cầu      |       |
| 2         | Sỏi phun đường từ nhà ông Thủy đến nhà ông 5 Bài - nhà ông Quý    | DGT         | Đất giao thông                         | 0,50           | 0,50                   |                   |                   | Long Chử<br>Bến Cầu                   |       |

| STT | Tên dự án   | Mã loại đất | Mục đích sử dụng | Diện tích thu hồi (ha) |               |                   |                   | Địa điểm (xã)       | Huyện   |
|-----|---|-------------|------------------|------------------------|---------------|-------------------|-------------------|---------------------|---------|
|     |   |             |                  | Tổng diện tích         | Trong đó      |                   |                   |                     |         |
|     |   |             |                  |                        | Đất trồng lúa | Đất rừng đặc dụng | Đất rừng phòng hộ |                     |         |
| 3   | Sôi phún đường từ nhà 6 Tông đi Bàu Bứa   | DGT         | Đất giao thông   | 0,48                   | 0,48          |                   |                   | Long Chử            | Bến Cầu |
| 4   | Cứng hóa đường nội đồng kênh Ba làng ấp Long Thạnh từ tỉnh lộ 786 đi sông Vàm Cỏ và Dinh Vàm Bảo                                | DGT         | Đất giao thông   | 0,99                   | 0,99          |                   |                   | Long Chử            | Bến Cầu |
| 5   | Sôi phún đường TT 31, từ nhà ông Nguyễn Văn Búp đến nhà ông Nguyễn Văn Chúc   | DGT         | Đất giao thông   | 0,07                   | 0,07          |                   |                   | Tiên Thuận          | Bến Cầu |
| 6   | Hèm từ nhà ông Vương Văn Phương (café Khánh Phương đến kênh Địa Xù khu phố 1)   | DGT         | Đất giao thông   | 0,26                   | 0,26          |                   |                   | Thị trấn, Lợi Thuận | Bến Cầu |
| 7   | Bê tông mương thoát nước thủy lợi (đường Tiên Thuận 17) từ ruộng ông Lê Văn Tông nối với mương thoát nước thủy lợi đường HBC 14 | DTL         | Đất thủy lợi     | 0,07                   | 0,07          |                   |                   | Tiên Thuận          | Bến Cầu |
| 8   | Sôi phún tuyến đường từ suối Heo đến cầu Bàu Mọi  | DGT         | Đất giao thông   | 0,42                   | 0,42          |                   |                   | Long Khánh          | Bến Cầu |
| 9   | Sôi phún tuyến đường từ nhà ông Lương Văn Kỳ đến nhà ông Nguyễn Văn Hán   | DGT         | Đất giao thông   | 0,50                   | 0,50          |                   |                   | Long Thuận          | Bến Cầu |
| 10  | Sôi phún tuyến đường từ cầu T6 đến bến Bàu Gõ   | DGT         | Đất giao thông   | 0,68                   | 0,68          |                   |                   | Lợi Thuận           | Bến Cầu |
| 11  | Sôi phún tuyến đường từ Trung tâm văn hóa xã đến nhà bà Phạm Thị Hoa  | DGT         | Đất giao thông   | 0,39                   | 0,39          |                   |                   | Long Khánh          | Bến Cầu |
| 12  | Cứng hóa tuyến đường Xe Sáu ấp Long Thịnh với chiều dài 1200 m, chiều rộng 6,5 m  | DGT         | Đất giao thông   | 0,36                   | 0,36          |                   |                   | Long Khánh          | Bến Cầu |

| STT | Tên dự án   | Mã loại đất | Mục đích sử dụng          | Diện tích thu hồi (ha) |               |                   |  | Địa điểm (xã)      | Huyện |
|-----|---|-------------|---------------------------|------------------------|---------------|-------------------|--|--------------------|-------|
|     |   |             |                           | Tổng diện tích         | Trong đó      |                   |  |                    |       |
|     |   |             |                           |                        | Đất trồng lúa | Đất rừng đặc dụng | Đất rừng phòng hộ                        |                    |       |
| 13  | Cứng hóa tuyến đường từ Nguyễn Thị Anh Thư đến Bàu Cò, chiều dài 1110 m, chiều rộng 6,5 m | DGT         | Đất giao thông            | 0,48                   | 0,48          |                   | Long Khánh                               | Bến Cầu            |       |
| 14  | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn ấp Chánh 08                            | DGT         | Đất giao thông            | 0,05                   |               |                   | An Thạnh                                 | Bến Cầu            |       |
| 15  | Đường ĐH Trương Mít - Suối nhánh (ĐH12)   | DGT         | Đất giao thông            | 6,13                   | 0,88          |                   | Trương Mít, Lộc Ninh                     | Dương Minh Châu    |       |
| 16  | Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.784C (Bàu Năng - Bàu Cóp)                                      | DGT         | Đất giao thông            | 7,40                   | 0,08          |                   | Bàu Năng, Chà Là                         | Dương Minh Châu    |       |
| 17  | Đường ĐH.823 - Giai đoạn 1  | DGT         | Đất giao thông            | 4,50                   |               |                   | Suối Ngó, Tân Thành, Tân Hòa             | Tân Châu           |       |
| 18  | Đường vào Đồn biên phòng Suối Lam (Nâng cấp Đường ĐL.03)                                  | DGT         | Đất giao thông            | 0,64                   |               |                   | Tân Đông                                 | Tân Châu           |       |
| 19  | Đường số 2A và đường B đoạn còn lại   | DGT         | Đất giao thông            | 0,20                   |               |                   | Phường 3                                 | thành phố Tây Ninh |       |
| 20  | Phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu                               | DNL         | Đất công trình năng lượng | 0,13                   |               |                   | phường Gia Lộc                           | thị xã Trảng Bàng  |       |
| 21  | Trạm 110kV Lộc Hưng và đường dây đầu nối  | DNL         | Đất công trình năng lượng | 0,68                   |               |                   | Đôn Thuận, Hưng Thuận và phường Lộc Hưng | thị xã Trảng Bàng  |       |
| 22  | Cải tạo nâng cấp đường dây 110kV Trảng Bàng - Củ Chi từ 1 mạch lên 2 mạch                 | DNL         | Đất công trình năng lượng | 0,30                   |               |                   | phường An Tịnh, Trảng Bàng và xã Gia Lộc | thị xã Trảng Bàng  |       |



| STT | Tên dự án  | Mã loại đất | Mục đích sử dụng          | Tổng diện tích | Diện tích thu hồi (ha) |                   |   | Địa điểm (xã)                                  | Huyện |
|-----|--|-------------|---------------------------|----------------|------------------------|-------------------|---|--|-------|
|     |  |             |                           |                | Trong đó               |                   |   |  |       |
|     |  |             |                           |                | Đất trồng lúa          | Đất rừng đặc dụng | Đất rừng phòng hộ   |  |       |
| 23  | Lộ ra 110kV trạm 220kV Phước Đông                  | DNL         | Đất công trình năng lượng | 0,15           |                        |                   | Đôn Thuận   | thị xã Trảng Bàng                              |       |
| 24  | Trạm 110kV Phước Đông 6 và đường dây đầu nối       | DNL         | Đất công trình năng lượng | 0,50           |                        |                   | Đôn Thuận   | thị xã Trảng Bàng                              |       |
| 25  | Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4) | DGT         | Đất giao thông            | 12,71          | 2,83                   |                   | xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu; phường Ninh Thạnh, Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh    | Liên huyện Dương Minh Châu, thành phố Tây Ninh |       |
| 26  | Đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa        | DGT         | Đất giao thông            | 8,25           | 5,29                   |                   | xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu; phường Gia Bình, Gia Lộc, xã Hưng Thuận thị xã Trảng Bàng | Liên huyện Gò Dầu, thị xã Trảng Bàng           |       |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>31</b>   |                           | <b>48,96</b>   | <b>15,74</b>           | <b>0,00</b>       |   |  |       |